

# NGÂN HÀNG VIỆT NAM SAU 3 NĂM GIA NHẬP WTO

NGUYỄN THIỆN CƯỜNG – NGUYỄN THỊ GIA ANH

## Đặt vấn đề

Việt Nam chính thức gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO) từ ngày 11 tháng 1 năm 2007. Việc gia nhập WTO đưa nước ta hội nhập với nền kinh tế thế giới, mang lại nhiều cơ hội phát triển cũng như thách thức cần phải khắc phục. Các cơ hội có thể kể đến đó là tiếp cận công nghệ, nâng cao trình độ, hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tạo môi trường kinh doanh ổn định... Ngoài ra, các thách thức như quy trình quản trị chưa phù hợp với nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế, tính minh bạch còn thấp... cần cải thiện tốt hơn cho phù hợp sau khi gia nhập WTO.

## Đổi thay tích cực

Chuyển đổi mô hình hoạt động ngân hàng thương mại (NHTM) cổ phần nông thôn sang NHTM cổ phần đô thị.

Theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), mô hình NHTM cổ phần nông thôn chỉ thực hiện những nghiệp vụ nhất định, bộc lộ một số hạn chế như không được huy động vốn dài hạn cũng như phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và giấy tờ có giá khác để huy động vốn... Còn mô hình NHTM cổ phần đô thị được phép hoạt động đầy đủ các nghiệp vụ ngân hàng. Do đó từ cuối 2006 đến nay, một số ngân hàng đã chuyển đổi mô hình hoạt động từ NHTM cổ phần nông thôn sang NHTM cổ phần

đô thị như Ngân hàng An Bình (7/2005), Ngân hàng Kiên Long (25/12/06), Ngân hàng Miền Tây (05/06/07), Ngân hàng Mỹ Xuyên (16/09/08); Một số ngân hàng vừa thay đổi tên và chuyển đổi mô hình hoạt động như NHTM cổ phần nông thôn Đồng Tháp Mười thành NHTM cổ phần Xăng Dầu Petrolimex (12/01/07); NHTM cổ phần nông thôn Ninh Bình thành NHTM cổ phần Dầu khí Toàn Cầu; NHTM cổ phần Thái Bình Dương thành NHTM cổ phần Việt Nam Tín Nghĩa; NHTM cổ phần nông thôn Hải Hưng thành NHTM cổ phần Đại Dương (09/01/07); NHTM cổ phần nông thôn Nhơn Ái thành NHTM cổ phần Sài Gòn – Hà Nội; NHTM cổ phần Nông thôn Sông Kiên thành NHTM cổ phần Nam Việt...

## Vốn điều lệ (VĐL) của các ngân hàng ngày càng tăng

Theo Nghị định số 141/2006/CP của Chính Phủ về danh mục vốn pháp định của các tổ chức tín dụng (TCTD), mức vốn pháp định áp dụng cho các NHTM cổ phần phải đạt 1.000 tỷ đồng chậm nhất vào ngày 31/12/2008 và 3.000 tỷ đồng vào năm 2010 nhằm đảm bảo cho các NHTM cổ phần có đủ năng lực về tài chính, quy mô vốn điều lệ (VĐL).

– Giai đoạn 2006-2007: VĐL của các ngân hàng tăng lên rõ rệt. Điển hình như Ngân hàng Á Châu tăng từ 948 tỷ lên 2630 tỷ;

Ngân hàng An Bình tăng từ 165 tỷ lên 2300 tỷ; Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam từ 102 tỷ lên gần 7700 tỷ; Ngân hàng Nhà Hà Nội 300 tỷ lên 2000 tỷ... Sự tăng vốn này tạo điều kiện để ngân hàng trong nước có thể cạnh tranh với ngân hàng nước ngoài khi nước ta gia nhập WTO.

– Giai đoạn 2007-2008: các ngân hàng đã vượt xa mốc VĐL tối thiểu 1.000 tỷ theo kế hoạch đề ra của NHNN đến 31/12/2008. Tuy nhiên, cũng có ngân hàng không tăng hoặc đã dờn kế hoạch tăng vốn do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế trên thế giới. Đó là ngân hàng Đại Á vẫn giữ nguyên mức VĐL so với năm 2007 là 500 tỷ đồng; Ngân hàng Phát triển Mê Kông (tiền thân là Ngân hàng Mỹ Xuyên); Ngân hàng Việt



Nam Tín Nghĩa (tiên thân là Ngân hàng Thái Bình Dương).

– Giai đoạn 2008 – 2009: có sự tăng vốn một cách ồ ạt của các ngân hàng do sức ép từ phía NHNN buộc các NHTM phải đạt mức VDL là 3.000 tỷ VND vào cuối năm 2010. Do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng, nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành ngân hàng nói riêng bị tác động, thị trường chứng khoán trở nên ảm đạm, kế hoạch tăng VDL chủ yếu dựa trên trả cổ tức bằng cổ phiếu. Vì thế, có một số ngân hàng đã kéo dài kế hoạch tăng VDL sang năm 2009 khi nền kinh tế bước đầu có những khởi sắc và dựa trên phát hành thêm cổ phiếu mới bán cho các cổ đông hiện hữu và cho các đối tác nước ngoài. Bên cạnh đó, khi kế hoạch xây dựng và phát triển của các ngân hàng dần hoàn thiện để đảm bảo khả năng cạnh tranh trên trường quốc tế, giữ vững cũng như phát triển thị phần tại thị trường nội địa thì nhu cầu tăng vốn dường như là cơ sở nền tảng và thiết yếu để các ngân hàng đạt

được mục tiêu đã đề ra.

### Đánh giá ngân hàng được thành lập sau khi Việt Nam gia nhập WTO

Các ngân hàng được thành lập sau khi Việt Nam gia nhập WTO tuy chiếm tỷ trọng nhỏ nhưng không thể không nhắc đến đó là NHTM cổ phần Liên Việt (LienVietBank) thành lập 28/03/2008; NHTM cổ phần Tiên Phong (TienPhongBank) thành lập 05/05/2008; NHTM cổ phần Bảo Việt (BaoVietBank) thành lập 11/12/2008. Ra đời trong bối cảnh nền kinh tế thế giới rơi vào cuộc khủng hoảng tài chính, các ngân hàng này có điểm chung là được thành lập từ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty lớn. Chúng vừa đáp ứng được những điều kiện thành lập ban đầu của NHNN vừa nhằm tạo thế cạnh tranh, tạo được cơ sở nền tảng nhất định ngay từ khi mới thành lập dựa trên thế mạnh về công nghệ thông tin, viễn thông và tiềm lực tài chính của các cổ đông sáng lập. Việc ra đời sau so với những ngân hàng khác tạo cho những ngân hàng này những lợi thế nhất định như có thể định hướng và xây dựng ngân hàng theo mô hình hiện đại có hệ thống ngân hàng lõi (còn gọi là core-banking) và flexcube (một phần mềm ứng dụng của ngân hàng lõi), quản lý theo hướng tập trung dựa vào những công nghệ tiên tiến. Hệ thống core-banking là một hệ thống các phân hệ nghiệp vụ cơ bản của ngân hàng như tiền gửi, tiền vay, khách hàng... thông qua đó phát triển thêm nhiều dịch vụ, sản phẩm và quản lý nội bộ chặt chẽ, hiệu quả hơn. Về bản chất đây là hệ thống phần mềm tích hợp các ứng dụng tin học trong quản lý thông tin, tài sản, giao

dịch, quản trị rủi ro... trong hệ thống ngân hàng. Về đặc điểm, core banking chính là hạt nhân toàn bộ hệ thống thông tin của một hệ thống ngân hàng. Việc đầu tư vào core banking tính bảo mật thông tin cao hơn, hạch toán sổ sách chứng từ kế toán thuận tiện hơn [1]. Điển hình, nhờ ứng dụng khoa học công nghệ kết hợp với việc quản lý hiệu quả, sau một năm hoạt động đến năm 2009 BaoVietBank đã tăng VDL thêm 500 tỷ đồng bằng việc bán cổ phần cho các cổ đông hiện hữu của ngân hàng và đạt mức 2.000 tỷ đồng; LienVietBank đi vào hoạt động với lợi thế tiềm lực tài chính khá lớn, thành lập với VDL ban đầu là 3.300 tỷ đồng và tăng lên 3.650 tỷ đồng vào năm 2009.

### Những mặt hạn chế

Bên cạnh những tích cực do gia nhập WTO, các ngân hàng nội địa cũng gặp phải các hạn chế cần được giải quyết, trong đó vấn đề đầu tiên phải kể đến là công nghệ. Theo một chuyên gia nhận xét: “Hệ thống tín dụng của các ngân hàng trong nước là rất sâu rộng nhưng các dịch vụ hiện đại như thanh toán điện tử, qua mạng rất kém và mờ nhạt” (Nguyễn Thống đốc NHNN – ông Cao Sỹ Kiêm). Điều này chứng tỏ hạn chế về công nghệ mang lại bất lợi khá lớn cho các ngân hàng nội địa.

Tiếp đến là năng lực tài chính mà biểu hiện đó là VDL. Trong thời gian qua hệ thống các NHTM đã có sự gia tăng khá lớn về VDL nhưng nếu so sánh với các nước trong khu vực thì vẫn bị đánh giá là thấp. Đến cuối năm 2010 VDL tối thiểu của các ngân hàng là 3.000 tỷ đồng, trong khi đó theo dự đoán của VAFI – Hiệp hội các nhà đầu tư Tài chính Việt Nam mức VDL



trung bình các nước trong khu vực là 1-2 tỷ USD tức khoảng 19-38 ngàn tỷ đồng. Hơn nữa, không phải việc huy động thêm vốn từ các chủ sở hữu của NHTM cổ phần nào cũng dễ dàng, nhất là đối với những ngân hàng nhỏ và những ngân hàng mới chuyển từ mô hình NHTM cổ phần nông thôn lên NHTM cổ phần đô thị. Việc huy động thêm vốn góp từ các cổ đông lớn thường là từ thành viên hội đồng quản trị chưa hẳn đã thuận lợi. Bởi vì, trong những năm trước vốn tăng thêm của các ngân hàng này thường là các cổ đông vay của các ngân hàng khác hoặc lãi từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp tư nhân. Nhưng nay khi đã gia nhập WTO, các đối tác cho vay này cũng cần phải huy động thêm vốn để nâng cao khả năng cạnh tranh của họ nên việc huy động thêm vốn của các NHTM cổ phần nhỏ và vừa sẽ gặp khó khăn.

Tuy nhiên, việc ứng dụng công nghệ hệ thống core-banking chỉ được phát huy hiệu quả tốt khi gắn với nhân lực và sản phẩm. Khi ứng dụng công nghệ này, ngân hàng có thể phải thay đổi quy trình làm việc, tầm nhìn chiến lược, sản phẩm dịch vụ. Theo ông Nguyễn Quang A nói: “Dùng một công cụ đắt tiền, hiện đại mà áp vào một quy trình làm việc giống hệt như cũ thì hoàn toàn phí tiền và không mang lại kết quả gì nhiều, ngoại trừ số liệu có thể chính xác hơn, nhanh hơn”. Nếu không có sự thay đổi gì khi ứng dụng hệ thống ngân hàng lõi thì việc đầu tư vào công cụ hiện đại này chỉ dùng để đánh bóng thương hiệu của ngân hàng đó mà thôi. [2]

Bên cạnh đó, các NHTM cổ phần tại Việt Nam chịu sức ép từ cam kết khi gia nhập WTO là đảm bảo sự bình đẳng trong hoạt động ngân hàng của các NHTM, cho phép thành lập

ngân hàng 100% vốn nước ngoài từ ngày 1/4/2007. Cho phép thành lập ngân hàng liên doanh từ 11/1/2007 với điều kiện tổng tài sản của NHTM tham gia liên doanh trên 10 tỷ USD và phần vốn góp không quá 50%. Thực hiện cam kết trong một số dịch vụ như: nhận tiền gửi, cho vay, bảo lãnh và cam

kết, thanh toán, cho thuê tài chính... Do đó sự hỗ trợ trong hoạt động với các ngân hàng nội địa từ NHNN sẽ khó khăn hơn thời điểm trước khi Việt Nam gia nhập WTO [3]. Trong khi đó các NHTM vẫn thường xuyên vay trên thị trường liên ngân hàng từ đó dẫn đến rủi ro thanh khoản cho các ngân hàng. Các quy định về chất lượng tín dụng, cổ đông, mức độ rủi ro trong hoạt động... cũng được siết chặt hơn trước. Đây là thách thức, khó khăn đối với những ngân hàng nhỏ, mới thành lập trong hệ thống NHTM cổ phần tại Việt Nam.

#### **Những giải pháp đưa ra**

Trước những hạn chế nêu trên, các ngân hàng phải chủ động tìm hướng giải quyết cho chính ngân hàng mình kết hợp với chính sách từ NHNN hay hệ thống pháp luật. Các giải pháp có thể vận dụng như:

– **Công nghệ:** Các NHTM cổ phần nội địa cần quan tâm đầu tư hiện đại hóa công nghệ cũng như hệ thống thanh toán; đẩy mạnh tiến trình hiện đại hóa công nghệ ngân hàng và hệ thống thanh toán bằng cách nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin; cải cách hệ thống kế toán ngân hàng theo các chuẩn mực quốc tế; phát triển dịch vụ ngân hàng mới như dịch vụ ngân hàng điện tử. Đặc biệt là các ngân hàng cần phải vận dụng hiệu quả để phát huy hết tác dụng của công nghệ.

– **Nâng cao năng lực quản lý:** ở đây chúng ta đề cập đến 2 khía cạnh là năng lực quản lý của các NHTM cổ phần từ hội sở chính đến các mạng lưới chi nhánh và năng lực thanh tra, giám sát của NHNN. Việc cơ cấu lại mô hình tổ chức, hay áp dụng



cơ chế quản lý mới tại NHNN sẽ nâng cao hiệu quả hoạt động của các NHTM cổ phần.

**Phát triển nguồn nhân lực:** khi thay đổi công nghệ, ngân hàng cần tăng cường đổi mới công tác đào tạo, nâng cao trình độ ứng dụng khoa học công nghệ vào quản lý, tạo ra nhiều sản phẩm dịch vụ hơn. Các ngân hàng có thể liên hệ trực tiếp với các trường đào tạo về lĩnh vực ngân hàng để tìm kiếm nguồn nhân lực tốt nhất phù hợp với tiêu chuẩn đưa ra của chính ngân hàng mình.

**- Hoàn thiện hệ thống pháp luật:** tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách và pháp luật theo các cam kết mở cửa thị trường, đặc biệt là quy định liên quan đến các hình thức tiếp cận thị trường của các TCTD nước ngoài (hiện diện, kênh phân phối, dịch vụ mới và sản phẩm được phép cung ứng; thủ tục và điều kiện cấp phép). Gắn mở cửa thị trường dịch vụ Ngân hàng với việc tăng cường quản lý, giám sát hoạt động ngân hàng để bảo đảm cho sự lành mạnh, ổn định và an toàn của hệ thống ngân hàng. Đồng thời, tạo cơ hội cho các TCTD nước ngoài vào hoạt động hợp pháp và theo cam kết quốc tế, vừa có phương thức, cơ chế quản lý mềm dẻo, đúng pháp luật và thông lệ quốc tế để hạn chế sự thao túng, cạnh tranh không lành mạnh hoặc thôn tính đối với các TCTD Việt Nam.

**- Tăng cường và tranh thủ tối đa sự hỗ trợ của các nước và các tổ chức tài chính quốc tế** trong việc xây dựng chính sách và đào tạo nguồn nhân lực, đó có thể là việc đưa người sang các nước có hệ thống ngân hàng phát triển học hỏi cách thức, kinh nghiệm vận dụng khoa học công

nghệ, cách tổ chức quản lý nhằm phục vụ tốt hơn cho hoạt động ngân hàng ở Việt Nam.

### Kết luận

Việc mở cửa thị trường tài chính, các ngân hàng trong nước được tiếp cận với thị trường tài chính quốc tế, có điều kiện học hỏi về khoa học công nghệ, nâng cao trình độ quản trị, điều hành, phát triển các sản phẩm – dịch vụ mới và kỹ năng kinh doanh, nhất là về các hoạt động nghiệp vụ mà các ngân hàng trong nước chưa có hoặc ít có kinh nghiệm như: kinh doanh ngoại hối, thanh toán quốc tế, tín dụng thương mại quốc tế, dịch vụ ngân hàng điện tử, quản lý quỹ, môi giới tiền tệ, quản lý rủi ro. Bên cạnh đó, các ngân hàng trong nước có điều kiện thuận lợi để tăng vốn, tiếp thu kiến thức, kinh nghiệm quản lý và công nghệ hiện đại trong hoạt động ngân hàng với sự tham gia của các đối tác chiến lược là các ngân hàng có danh tiếng trên thế giới. Nói như vậy không có nghĩa là các ngân hàng Việt Nam bị lấn át bởi những yếu tố này mà các ngân hàng Việt Nam cũng có những lợi thế nhất định như việc am hiểu tập quán, thói quen nhu cầu tiêu dùng của khách hàng, am hiểu địa phương...

Tuy vậy, cũng có một vài thách thức khi gia nhập, mở cửa thị trường tài chính. Đó là quy trình quản trị của các NHTM chưa phù hợp với các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế, tính minh bạch còn thấp; việc cải thiện môi trường làm việc và văn hóa kinh doanh chưa được quan tâm đúng mức. Đồng thời, khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế Việt Nam nói chung và của khu vực ngân hàng nói riêng còn rất thấp

so với yêu cầu đặt ra. Đây là một thách thức lớn cần phải vượt qua để có thể tận dụng một cách có hiệu quả nhất luồng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam ngày càng lớn. Ngoài ra, thị trường tiền tệ thứ cấp và các công cụ tài chính phát triển chưa đủ mạnh để có thể trung hòa tiền tệ một cách có hiệu quả trong bối cảnh luồng vốn nước ngoài đổ vào Việt Nam sẽ tiếp tục tăng mạnh trong những năm tới, đòi hỏi ngành Ngân hàng phải tập trung nhiều sức lực và trí tuệ để tìm ra những giải pháp và đối sách phù hợp [4].

Trước những cơ hội và thách thức trên, ngành Ngân hàng cần đẩy mạnh quá trình cải cách để có thể hoạt động an toàn, hiệu quả và phát triển bền vững. Đến nay, các ngân hàng Việt Nam đã có sự chuẩn bị về mọi mặt để có thể tận dụng thời cơ và vững vàng vượt qua mọi thách thức. Thực tế thời gian qua, cùng với sự trỗi dậy mạnh mẽ của thị trường chứng khoán, các ngân hàng đã có bước phát triển khá ấn tượng về cả quy mô lẫn chất lượng hoạt động ■

#### Tài liệu tham khảo

- <sup>1</sup> *Tiện ích của ứng dụng core banking trong hiện đại hoá ngân hàng.* <http://www.sbv.gov.vn/vn/home/tinnghiencuu.jsp?tin=643>.
- <sup>2</sup> *Ngân hàng mua "core banking" để làm gì?* <http://vneconomy.vn/vn/66000POC6/ngan-hang-mua-core-banking-de-lam-gi.htm>
- <sup>3</sup> *Cam kết đối với ngân hàng – dịch vụ tài chính)*
- <sup>4</sup> *Tác động của WTO đến việc cải cách ngân hàng Việt Nam.* <http://www.atpvietnam.com/vn/thongtinnghanh/20895/index.aspx>.
- <sup>5</sup> *Website Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.*
- <sup>6</sup> *Website của các ngân hàng thương mại cổ phần.*